

Bản án số: 10/2020/DS-ST
Ngày: 25/05/2020.
“V/v: Tranh chấp về hợp đồng
tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẮNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Như Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Đài và bà Trần Thị Quỳnh;

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Duy Mạnh – Thẩm tra viên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Lê Trọng Đại – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2019/TLST-DS ngày 01 tháng 04 năm 2019 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2020/QĐXXST- DS ngày 17 tháng 04 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 73/2020/QĐST- DS ngày 04 tháng 05 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng A. Địa chỉ: Số 77 T, phường T, Quận H, Tp. Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1973; chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Hoàng T1, sinh năm 1987; chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1976 và bà Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1982. Trú tại: Số 200 ấp T, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Ngô Thị T2, sinh năm 1978 và ông Nguyễn Đức H, sinh năm 1980. Cùng trú tại: Tổ 5A4, khu phố 5, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T2 là ông Nguyễn Đức H, sinh năm 1980. Địa chỉ liên hệ: Tổ 5A4, Khu phố 5, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Ông T1, ông H có mặt; ông Q, bà T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện ngày 27/03/2019 và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn ông Phan Hoàng T1 trình bày:

Theo hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 395-2016/HĐTDTDH-CN/SHB.130400 ngày 22/6/2016, Phụ lục Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 01/395-2016/PLHĐTD ngày 30/6/2016 và khế ước nhận nợ số 200009414162007/2016/KUNN-CN ngày 22/6/2016, ngân hàng SHB đã cho ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị Phương T vay số tiền 650.000.000 đồng (Sáu trăm năm mươi triệu đồng); Thời hạn vay 60 tháng, kể từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên; Mục đích vay: thanh toán tiền mua xe ô tô; Lãi suất vay trong hạn là 7,5%/ năm cố định trong 12 tháng đầu tiên, sau đó được điều chỉnh 03 tháng / lần bằng mức lãi suất huy động kỳ hạn 13 tháng trả lãi sau cao nhất của SHB tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ tối thiểu 3,5%/ năm nhưng không thấp hơn mức lãi suất cho vay của SHB tại thời điểm điều chỉnh; Lãi suất quá hạn: bằng 150 % lãi suất vay trong hạn áp dụng tại kỳ tính lãi gần nhất so với thời điểm quá hạn; phương thức trả nợ gốc, lãi vào ngày 25 hàng tháng. Tài sản thế chấp là xe ô tô 07 chỗ ngồi nhãn hiệu KIA, số loại SORENTA, màu bạc, số khung 51A6GC081397, số máy G4KEFH723392, biển kiểm soát 60A-CCCCC theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 049900 do phòng Cảnh sát giao thông-Công an tỉnh Đồng Nai cấp ngày 21/6/2016 cho ông Nguyễn Văn Q. Chi tiết theo hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 395A-2016/HĐTCTL-CN/SHB.130400 ngày 22/6/2016 và hợp đồng thế chấp tài sản số 395B-2016/HĐTC-CN/SHB.130400 ngày 30/6/2016 giữa bên nhận thế chấp Ngân hàng A, chi nhánh Đ với bên thế chấp ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị Phương T.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng tính đến ngày 17/8/2018, ông Q và bà T đã thanh toán cho Ngân hàng tổng cộng 218.537.245 đồng gồm: tiền trả gốc: 158.174.628 đồng; trả tiền lãi: 56.268.097 đồng; trả phí: 4.094.520 đồng. Sau đó, ông Q và bà T thường xuyên vi phạm nghĩa vụ trả nợ tại hợp đồng tín dụng nêu trên, tính đến ngày 25/5/2020 ông Q và bà T còn nợ ngân hàng số tiền là: 706.250.032 đồng. Trong đó: Tiền nợ gốc là 491.825.372 đồng, tiền lãi trong hạn là 48.932.161 đồng, tiền lãi quá hạn là 165.492.499 đồng.

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị Phương T phải thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nợ nêu trên và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 26/5/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ trên cho ngân hàng theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng tín dụng số 395-2016/HĐTDTDH-CN/SHB.130400 ngày 22/6/2016. Trường hợp ông Q, bà T không trả nợ hoặc trả không đủ, không đúng hạn thì đề nghị xử lý tài sản thế chấp để bảo đảm thi hành án đối với khoản nợ trên.

Đối với chi phí giám định chữ ký, chữ viết Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị Phương T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng, giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, họ không đến Tòa án để làm việc, cũng không có văn bản trình bày ý kiến, không giao nộp tài liệu,

chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị Phương T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt nên không có lời khai.

- Theo Bản tự khai ngày 10/4/2019 và tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đức H trình bày:

Ngày 25/7/2017, ông H, bà T2 và ông Q có thỏa thuận mua bán 01 xe ô tô 07 chỗ ngồi nhãn hiệu KIA, số loại SORENT0 mang biển kiểm soát 60A-CCCCC với giá 580.000.000đ. Cùng ngày ông bà đã giao cho ông Q số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng), số tiền còn lại 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng) khi nào ông Q ký hợp đồng mua bán xe tại phòng công chứng thì ông bà sẽ giao nốt số tiền còn lại. Ông Q đã giao xe cho ông bà và có giao thêm 01 bản chính cavet xe biển số 60A-CCCCC mang tên ông Nguyễn Văn Q để ông bà trực tiếp quản lý và sử dụng. Từ năm 2017 đến nay ông bà đã nhiều lần liên hệ ông Q để thanh toán nốt số tiền còn lại cho ông Q để hoàn tất thủ tục ký hợp đồng sang tên nhưng ông Q không thực hiện mà có dấu hiệu lảng tránh và bỏ trốn. Khi Tòa án triệu ông bà đến nhận quyết định kê biên thì ông bà mới biết xe ô tô trên ông Q đã thế chấp tại ngân hàng A. Ông Q đã có hành vi làm giả giấy tờ cavet xe để lừa đảo, chiếm đoạt số tiền của ông bà. Xe ông bà mua của ông Q là tài sản thế chấp để đảm bảo thi hành án nên ông bà cũng là nạn nhân của vụ án này, vì vậy khi thi hành án xe này ông bà đề nghị Ngân hàng A xem xét chia sẻ rủi ro, ưu tiên cho ông bà được mua lại tài sản này.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom tại phiên tòa:

- *Về tố tụng:*

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

+ Đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- *Về nội dung:*

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 491.825.372 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật; phải nộp án phí DSST và chịu chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Ngân hàng A (Gọi tắt là ngân hàng) khởi kiện đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị Phương T hiện đang cư trú tại đại chỉ số 200 ấp T, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ

vào các Điều **26, 35, 39** của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

[1.2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt trực tiếp thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho bị đơn nhưng không thực hiện được với lý do: Ông Q, bà T đã bỏ đi khỏi địa phương nhưng không khai báo với chính quyền địa phương, không cung cấp địa chỉ mới. Mặt khác, theo hợp đồng tín dụng số 395-2016/HĐTDTDH-CN/SHB.130400 ngày 22/6/2016 và các hợp đồng khác đã ký kết giữa Ngân hàng và ông Q, bà T đều thể hiện địa chỉ thường trú của ông Q, bà T tại ấp T, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Như vậy, đơn khởi kiện của nguyên đơn đã ghi đúng địa chỉ của bị đơn theo kết quả xác minh và thu thập tài liệu chứng cứ của Tòa án; Căn cứ vào Điều 6, Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, đây được coi là trường hợp bị đơn cố tình che giấu địa chỉ Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung mà không đình chỉ giải quyết vụ án.

[1.3] Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả tiền nợ gốc thì thấy:

Tại hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 395-2016/HĐTDTDH-CN/SHB.130400 ngày 22/6/2016, Phụ lục Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 01/395-2016/PLHĐTD ngày 30/6/2016 và khế ước nhận nợ số 200009414162007/2016/KUNN-CN ngày 22/6/2016 ký kết giữa Ngân hàng SHB và ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị Phương T thể hiện: Bên cho vay là Ngân hàng A -Chi nhánh Đ; bên vay là ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị Phương T; số tiền vay là: 650.000.000 đồng (Sáu trăm năm mươi triệu đồng); thời hạn vay 60 tháng, kể từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên; Mục đích vay: thanh toán tiền mua xe ô tô; phương thức trả nợ gốc, lãi vay vào ngày 25 hàng tháng.

Tại Kết luận giám định số 102/KLGD-PC09 ngày 05/02/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự- Công an tỉnh Đồng Nai kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Văn Q, Nguyễn Thị Phương T trên các tài liệu nêu ở phần cần giám định so với chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Văn Q, Nguyễn Thị Phương T trên các tài liệu trên tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký, viết ra.

Vì vậy, đủ căn cứ xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có xác lập giao dịch vay tài sản. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông Q, bà T đã vi phạm nghĩa vụ của người vay, do đó, Ngân hàng yêu cầu ông Q, bà T phải trả số tiền gốc là 491.825.372 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng nên được chấp nhận.

[2.2] Về yêu cầu trả tiền lãi:

Lãi suất vay các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 395-2016/HĐTDTDH-CN/SHB.130400 ngày 22/6/2016, Phụ lục Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 01/395-2016/PLHĐTD ngày 30/6/2016 và khế ước nhận nợ số 200009414162007/2016/KUNN-CN ngày 22/6/2016 như sau: Lãi suất vay trong hạn là 7,5%/ năm cố định trong 12 tháng đầu tiên, sau đó được điều chỉnh 03 tháng / lần bằng mức lãi suất huy động kỳ hạn 13 tháng trả lãi sau cao nhất của SHB tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ tối thiểu 3,5%/ năm nhưng không thấp hơn mức lãi suất cho vay của SHB tại thời điểm điều chỉnh; Lãi suất quá hạn: bằng 150 % lãi suất vay trong hạn áp dụng tại kỳ tính lãi gần nhất so với thời điểm quá hạn;

Lãi suất vay các bên thỏa thuận phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng. Mặt khác, kể từ ngày 17/8/2018, ông Q, bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ vay nên toàn bộ dư nợ gốc được chuyển sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 25/5/2020, Ngân hàng yêu cầu ông Q, bà T phải trả cho ngân hàng tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn là 214.424.660 đồng, là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.3] Về khoản tiền lãi sau ngày tòa xét xử sơ thẩm: Căn cứ khoản 1, 2 Điều 13, khoản 2 Điều 14 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 và Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17/10/2016 yêu cầu của nguyên đơn áp dụng tính lãi theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng sau ngày xét xử sơ thẩm là đúng quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[2.4] Về việc xử lý tài sản đảm bảo: Theo hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 395A-2016/HĐTCTL-CN/SHB.130400 ngày 22/6/2016 và hợp đồng thế chấp tài sản số 395B-2016/HĐTC-CN/SHB.130400 ngày 30/6/2016 giữa bên nhận thế chấp Ngân hàng A, chi nhánh Đ với bên thế chấp ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị Phương T.

Việc ký kết, thế chấp tài sản giữa các bên là tự nguyện và phù hợp với quy định pháp luật tại các điều 122, 124, 342, 355, 473, 474 Bộ luật Dân sự năm 2005, do đó làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Do đó, tài sản thế chấp là xe ô tô 07 chỗ ngồi nhãn hiệu KIA, số loại SORENTO, màu bạc, số khung 51A6GC081397, số máy G4KEFH723392, biển kiểm soát 60A-CCCCC theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 049900 do phòng Cảnh sát giao thông-Công an tỉnh Đồng Nai cấp ngày 21/6/2016 cho ông Nguyễn Văn Q theo hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 395A-2016/HĐTCTL-CN/SHB.130400 ngày 22/6/2016 và hợp đồng thế chấp tài sản số 395B-2016/HĐTC-CN/SHB.130400 ngày 30/6/2016 được sử dụng để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán nợ của ông Q, bà T là phù hợp với quy định tại Điều 342, Điều 355 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[2.5] Về quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 66/2019/QĐST-BPKCTT ngày 16/4/2019 của Tòa án huyện Trảng Bom “Kê biên tài sản đang tranh chấp” đối với xe ô tô 07 chỗ ngồi nhãn hiệu KIA, biển kiểm soát 60A-CCCCC theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 049900 do phòng Cảnh sát giao thông-Công an tỉnh Đồng Nai cấp ngày 21/6/2016 cho ông

Nguyễn Văn Q, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải tiếp tục áp dụng đến khi thi hành án xong hoặc có quyết định hủy bỏ, thay đổi biện pháp khẩn cấp tạm thời khác.

[2.6] Xét đề nghị của ông Nguyễn Đức H và bà Ngô Thị T2:

Cơ quan cảnh sát điều tra- Công an tỉnh Đồng Nai có văn bản số 4242/PC02-D94 ngày 23/12/2019 cung cấp thông tin cho Tòa án thể hiện: Quá trình giải quyết đơn của bà Ngô Thị T2 tố cáo ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1976 có hành vi “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Căn cứ vào tài liệu thu thập được xét thấy vụ việc không đủ yếu tố cấu thành tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Do đó, Cơ quan cảnh sát điều tra- Công an tỉnh Đồng Nai ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự.

Căn cứ khoản 4 Điều 348 BLDS 2005, ông Nguyễn Văn Q không được bán, trao đổi, tặng cho tài sản thế chấp. Do đó, giao dịch mua bán xe giữa ông Q và bà T2, ông H là giao dịch vô hiệu. Trong trường hợp, bà T2, ông H bị xâm phạm về quyền lợi thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác về tranh chấp mua bán tài sản.

[3] Về chi phí tố tụng khác: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên cần buộc bị đơn ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị Phương T phải trả cho Ngân hàng số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) chi phí giám định mà nguyên đơn đã nộp tạm ứng theo quy định tại khoản 4 Điều 161 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên nguyên đơn không phải chịu án phí, bị đơn phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều của 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Xét đề nghị nêu trên của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom thì thấy phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều 26, 35, 39, 147, khoản 4 Điều 161, 227, 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 4, 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Các Điều 122, 124, 342, 355, 473, 474 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Điều 6 Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Điều 13, Điều 14 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17/10/2016;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị Phương T về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Buộc ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị Phương T phải liên đới trả cho Ngân hàng A số tiền 706.250.032 đồng (Bảy trăm lẻ sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn không trăm ba mươi hai đồng), trong đó:

+ Số tiền nợ gốc là 491.825.372 đồng (Bốn trăm chín mươi một triệu, tám trăm hai mươi lăm ngàn, ba trăm bảy mươi hai đồng).

+ Số tiền nợ lãi tính đến hết ngày 25/5/2020 là 214.424.660 đồng (Hai trăm mười bốn triệu bốn trăm hai mươi bốn nghìn sáu trăm sáu mươi đồng).

- Tiền lãi phát sinh tiếp theo tính từ ngày 26/5/2020 tương ứng với khoản nợ gốc nêu trên và thời gian chậm trả theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 395-2016/HĐTDTDH-CN/SHB.130400 ngày 22/6/2016, Phụ lục Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 01/395-2016/PLHĐTD ngày 30/6/2016 và khế ước nhận nợ số 200009414162007/2016/KUNN-CN ngày 22/6/2016, được giao kết giữa Ngân hàng A với ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị Phương T.

Phản nghĩa vụ liên đới của ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị Phương T là bằng nhau.

1. 2. Nghĩa vụ trả nợ nêu trên được đảm bảo thi hành bằng tài sản đã thế chấp sau đây:

- Tài sản thế chấp là xe ô tô 07 chỗ ngồi nhãn hiệu KIA, số loại SORENTO, màu bạc, số khung 51A6GC081397, số máy G4KEFH723392, biển kiểm soát 60A-CCCCC theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 049900 do phòng Cảnh sát giao thông-Công an tỉnh Đồng Nai cấp ngày 21/6/2016 cho ông Nguyễn Văn Q theo hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 395A-2016/HĐTCTL-CN/SHB.130400 ngày 22/6/2016 và hợp đồng thế chấp tài sản số 395B-2016/HĐTC-CN/SHB.130400 ngày 30/6/2016.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị Phương T phải trả cho Ngân hàng A số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng)

3. Về án phí:

Ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị Phương T phải chịu số tiền 32.250.000 đồng (Ba mươi hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng A số tiền 13.781.000 đồng (Mười ba triệu, bảy trăm tám mươi một ngàn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0006535 ngày 01/04/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom.

4. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời số 66/2019/QĐST-BPKCTT ngày 16/4/2019 của Tòa án huyện Trảng Bom “Kê biên tài sản đang tranh chấp” đối với xe ô tô 07 chỗ ngồi nhãn hiệu KIA, biển kiểm soát 60A-CCCCC theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 049900 do phòng Cảnh sát giao thông-Công an tỉnh Đồng Nai cấp ngày 21/6/2016 cho ông Nguyễn Văn Q, đến khi thi hành án xong hoặc có quyết định hủy bỏ, thay đổi biện pháp khẩn cấp tạm thời khác.

5. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày; người có mặt tính từ ngày tuyên án; người vắng mặt tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trảng Bom;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS huyện Trảng Bom;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu CQ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Ngô Thị Như Quỳnh

